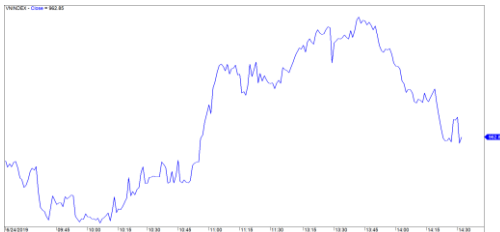


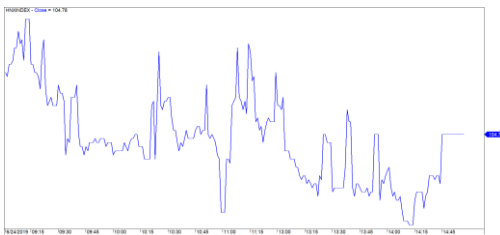
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	962.85	104.78	55.15
% ngày	0.38%	-0.07%	0.06%
% tuần	1.24%	1.10%	0.09%
% tháng	-2.56%	-1.57%	-0.52%
% năm	-1.95%	-6.66%	5.77%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,386	261	122
TB 1 tuần	3,648	317	261
TB 1 tháng	3,732	334	307
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	418.31	3.77	186.63
Bán	511.25	2.36	190.61
Giá trị ròng	-92.95	1.41	-3.98
Độ rộng TT			
Mã Tăng	115	76	192
Mã Giảm	164	74	103
Không Đổi	107	220	588
Chỉ số chính			
P/E	16.40	9.33	17.80
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,214	188	985
LS Cổ tức	4.92%	3.52%	7.54%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Các chỉ số thị trường chứng khoán Việt Nam duy trì quán tính tăng với VN-Index đóng cửa dừng tại 962.85 điểm tăng 0.38%, chỉ số HNX-Index ngược lại giảm 0.07% dừng tại 104.78 điểm trong khi chỉ số Upcom-Index tăng nhẹ 0.06% dừng tại 55.15 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh sụt giảm khi chỉ đạt gần 3,000 tỷ đồng trên cả ba sàn.

Tâm điểm phiên giao dịch hôm nay là diễn biến khá tích cực ở cổ phiếu trụ cột. Nổi bật nhất là cổ phiếu VCB(+2.8%) khi cổ phiếu này lúc cao nhất phiên tăng 3.9% áp sát vùng đỉnh cũ đầu 2018. Ngoài ra, VIC(1.7%), VHM(1.3%), NVL(1.6%), SAB(1.1%). Phía giảm điểm có GAS(-0.9%), VNM(-1.9%), HPG(-1.5%). Các cổ phiếu trong diện bị loại của ETF như STB, DPM, HNG đều hồi phục khá. Tuy vậy, độ rộng thị trường có phần nghiêng về số mã khi VN-Index có 115 mã tăng và 166 mã giảm.

Khối ngoại bán ròng 95 tỷ đồng trên cả ba sàn tập trung tại SBT(111 tỷ đồng). Ở chiều mua, VCB, BVH, VJC, E1VFN30 là những mã được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index kiểm định lại mức 960 điểm trong phiên tới. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy cho nên dòng tiền sẽ có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu, điểm tích cực là dòng tiền ngắn hạn tiếp tục cải thiện. Tuy nhiên, độ rộng thị trường suy yếu cho thấy áp lực điều chỉnh có thể sẽ gia tăng trong phiên kế tiếp.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi nâng mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index và chỉ số VN30 từ mức GIẢM lên TĂNG và duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 105.16 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu theo mức khuyến nghị.

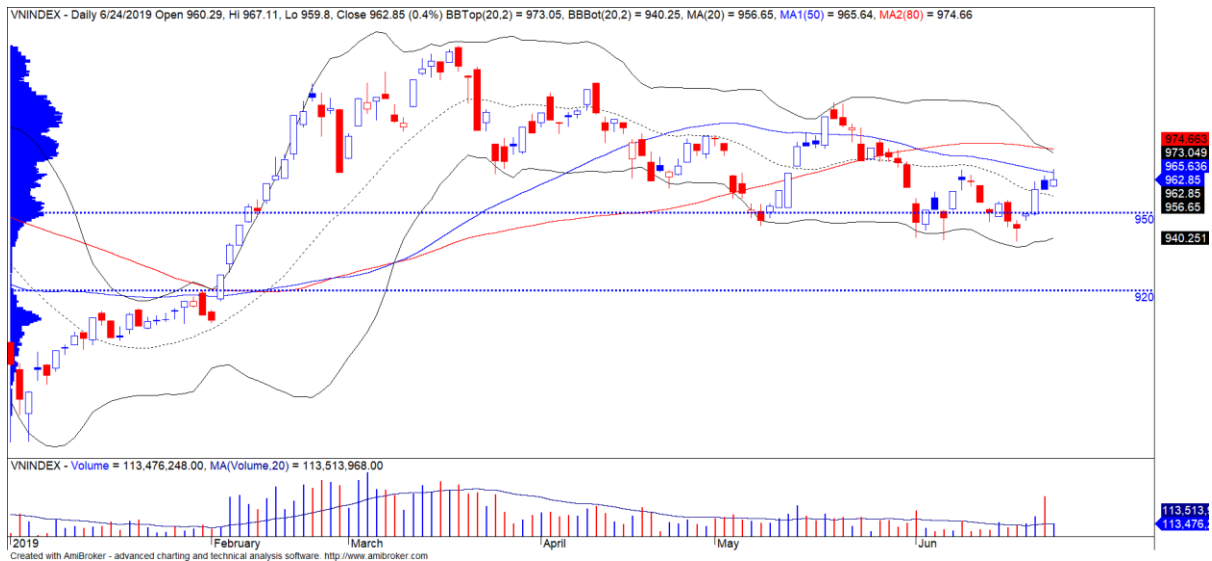
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

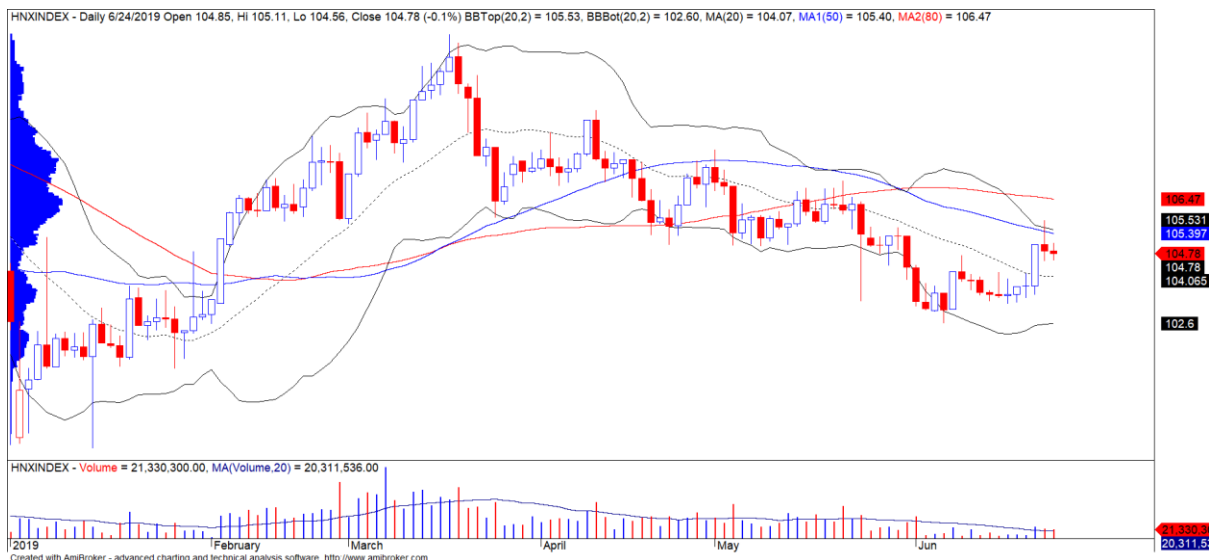


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18,400	TĂNG	TĂNG	18,600	17,677	-1.08%		16,850	16,230	9.20%	
ACB	29,500	TĂNG	GIẢM	29,600	28,859	-0.34%			31,452		
ACV	85,200	TĂNG	TĂNG	83,000	83,442	2.65%		90,000	79,578	-5.33%	
ANV	26,250	GIẢM	GIẢM		28,357				31,748		
ASM	7,050	GIẢM	GIẢM		7,200				7,980		
BFC	19,850	GIẢM	GIẢM		20,529				22,448		
BID	32,600	TĂNG	TĂNG	32,650	31,484	-0.15%		33,400	31,227	-2.40%	
BMP	42,700	TĂNG	GIẢM	44,500	42,236	-4.04%			48,377		
BSR	12,900	GIẢM	GIẢM		13,396				14,995		
BVH	80,300	TĂNG	GIẢM	79,000	77,365	1.65%			85,113		
BWE	26,300	TĂNG	TĂNG	25,850	25,683	1.74%		20,000	24,073	31.50%	
CEO	11,200	GIẢM	GIẢM	11,900	11,344	-4.68%	BÁN		12,742		
CII	22,550	GIẢM	GIẢM		23,298				24,605		
CMG	39,500	TĂNG	TĂNG	37,800	34,712	4.50%		23,200	31,773	70.26%	
CMX	21,900	GIẢM	TĂNG		23,468			5,910	21,617	270.56%	
CSM	14,750	TĂNG	TĂNG	15,250	14,746	-3.28%		14,390	14,225	2.50%	
CTD	98,000	GIẢM	GIẢM		101,424				117,340		
CTG	21,400	TĂNG	TĂNG	21,000	20,420	1.90%		22,700	19,639	-5.73%	
CTI	23,000	TĂNG	GIẢM	23,800	22,663	-3.36%			25,172		
CTR	27,700	GIẢM	N/A		28,535				4,011		
CVT	18,200	GIẢM	GIẢM		18,809				20,873		
DCM	8,160	GIẢM	GIẢM		8,346				8,883		
DGC	28,200	GIẢM	GIẢM		28,471				32,940		
DGW	21,300	GIẢM	GIẢM		21,765				23,949		
DHA	35,500	TĂNG	TĂNG	32,250	34,281	10.08%		29,100	31,700	21.99%	
DHC	42,200	TĂNG	TĂNG	40,900	41,616	3.18%		35,200	37,491	19.89%	
DHG	104,500	GIẢM	GIẢM		107,732				121,458		
DIG	13,650	GIẢM	GIẢM		14,156				15,272		
DPG	36,550	GIẢM	TĂNG		38,053			40,018	34,775	-8.67%	
DPM	16,300	GIẢM	GIẢM		16,946				19,155		
DPR	45,300	TĂNG	TĂNG	43,400	43,523	4.38%		42,500	40,210	6.59%	
DQC	18,000	GIẢM	GIẢM		18,792				21,171		

We Create Fortune

DRC	18,100	GIẢM	GIẢM		19,342			22,073		
DXG	18,900	TĂNG	GIẢM	19,100	18,062	-1.05%		20,749		
EIB	18,700	TĂNG	TĂNG	17,800	17,578	5.06%	14,700	16,475	27.21%	
FCN	14,500	GIẢM	TĂNG		14,551		16,050	13,649	-9.66%	
FMC	28,600	TĂNG	GIẢM	28,950	27,778	-1.21%		30,620		
FPT	45,150	TĂNG	TĂNG	45,200	44,083	-0.11%	46,000	42,214	-1.85%	
GAS	104,500	TĂNG	TĂNG	105,500	101,375	-0.95%	101,000	101,898	3.47%	
GEX	22,100	GIẢM	TĂNG		22,699		24,700	21,615	-10.53%	BÁN
GIL	26,800	TĂNG	GIẢM	27,300	25,941	-1.83%		29,666		
GMD	26,150	GIẢM	GIẢM		26,622			27,993		
GTN	18,600	GIẢM	TĂNG		19,940		15,000	16,369	24.00%	
GVR	12,800	TĂNG	GIẢM	13,500	12,576	-5.19%		N/A		
HAG	5,110	TĂNG	GIẢM	5,150	4,973	-0.78%		5,623		
HAX	14,600	TĂNG	GIẢM	14,250	13,620	2.46%		15,345		
HBC	15,550	GIẢM	GIẢM		16,158			18,315		
HCM	24,100	TĂNG	GIẢM	24,000	22,774	0.42%		26,600		
HDB	26,650	TĂNG	GIẢM	27,600	25,944	-3.44%		29,313		
HDC	15,250	TĂNG	TĂNG	15,250	14,535	0.00%	15,250	13,124	0.00%	
HDG	32,250	TĂNG	GIẢM	32,700	30,867	-1.38%		34,589		
HNG	16,000	TĂNG	GIẢM	15,750	15,165	1.59%		16,554		
HPG	23,350	TĂNG	GIẢM	23,850	22,763	-2.10%		25,712		
HSG	7,700	GIẢM	TĂNG		8,001		9,300	7,015	-17.20%	
HT1	15,950	GIẢM	TĂNG		16,686		14,800	15,465	7.77%	
HUT	2,600	GIẢM	GIẢM		3,005			3,532		
HVN	42,900	TĂNG	TĂNG	43,600	41,494	-1.61%	39,000	38,265	10.00%	
KBC	14,200	TĂNG	GIẢM	14,300	14,146	-0.70%		15,013		
KDH	23,900	TĂNG	GIẢM	23,424	23,825	2.03%		24,759		
KSB	22,700	TĂNG	GIẢM	22,700	22,402	0.00%	MUA	25,364		
LCG	10,150	GIẢM	GIẢM		10,292			11,439		
LDG	8,550	GIẢM	GIẢM		9,024			10,387		
LHG	18,650	GIẢM	TĂNG		19,738		19,300	17,020	-3.37%	
LPB	7,900	GIẢM	GIẢM		8,123			8,628		
LSS	5,530	GIẢM	GIẢM		5,629			5,906		
MBB	21,300	TĂNG	TĂNG	21,300	20,718	0.00%	21,850	20,106	-2.52%	
MPC	32,700	GIẢM	GIẢM		35,980			42,444		
MSN	84,100	GIẢM	TĂNG		85,977		89,000	80,742	-5.51%	



We Create Fortune

MSR	18,500	GIẢM	GIẢM		19,973			20,715		
MWG	91,400	TĂNG	TĂNG	88,300	88,423	3.51%	88,700	83,045	3.04%	
NDN	16,800	TĂNG	TĂNG	14,100	15,481	19.15%	13,700	12,850	22.63%	
NKG	6,240	TĂNG	GIẢM	6,400	6,239	-2.50%		7,273		
NLG	29,600	TĂNG	TĂNG	29,700	28,897	-0.34%	28,700	27,833	3.14%	
NT2	27,100	GIẢM	GIẢM		27,696			29,219		
NTL	23,500	TĂNG	TĂNG	22,950	22,369	2.40%	10,450	21,175	124.88%	
NVL	57,900	GIẢM	GIẢM		59,176			62,332		
OIL	12,000	GIẢM	GIẢM		12,582			14,012		
PAC	36,800	TĂNG	GIẢM	38,000	36,200	-3.16%		38,859		
PC1	19,200	GIẢM	GIẢM		20,083			21,023		
PDR	25,850	TĂNG	TĂNG	24,100	24,905	7.26%	29,000	22,941	-10.86%	
PHR	57,000	GIẢM	TĂNG		59,085		24,000	50,969	137.50%	
PLX	62,500	TĂNG	TĂNG	63,500	60,916	-1.57%	62,400	58,426	0.16%	
PNJ	73,600	GIẢM	TĂNG		75,397		104,000	72,834	-29.23%	
POW	14,850	GIẢM	TĂNG		16,155		15,700	13,915	-5.41%	
PVT	16,250	GIẢM	GIẢM		16,961			17,615		
PPC	29,700	TĂNG	TĂNG	28,750	27,694	3.30%	19,700	24,232	50.76%	
PTB	67,500	TĂNG	TĂNG	66,600	65,889	1.35%	64,000	60,891	5.47%	
PVB	19,600	TĂNG	TĂNG	19,600	18,665	0.00%	20,100	16,786	-2.49%	
PVD	18,950	GIẢM	TĂNG		19,001		18,500	17,783	2.43%	
PVI	36,900	GIẢM	GIẢM		37,238			39,699		
PVS	23,200	TĂNG	TĂNG	23,000	21,998	0.87%	21,100	21,468	9.95%	
PXS	4,860	GIẢM	TĂNG		5,036		4,850	4,262	0.21%	
QNS	29,200	GIẢM	GIẢM		29,805			33,041		
REE	32,150	GIẢM	TĂNG		32,544		33,325	31,114	-3.53%	
SAB	281,000	TĂNG	TĂNG	253,000	263,945	11.07%	245,000	249,462	14.69%	
SAM	8,270	TĂNG	TĂNG	8,250	7,924	0.24%	7,400	7,424	11.76%	
SCR	7,300	TĂNG	GIẢM	7,500	7,255	-2.67%		7,611		
SHI	8,350	TĂNG	TĂNG	8,140	8,033	2.58%	6,990	7,300	19.46%	
SJS	19,850	TĂNG	GIẢM	18,300	18,990	8.47%		19,930		
SKG	14,450	TĂNG	GIẢM	13,950	14,023	3.58%		14,892		
SSI	24,900	GIẢM	GIẢM		25,255			27,071		
STB	11,700	GIẢM	TĂNG		11,707		13,000	11,486	-10.00%	BÁN
TCB	20,900	GIẢM	GIẢM		21,319			N/A		
TCM	27,000	GIẢM	GIẢM		27,461			31,246		



We Create Fortune

TDH	12,550	TĂNG	TĂNG	11,700	12,403	7.26%		11,650	11,194	7.73%	
TLH	4,990	GIẢM	TĂNG		5,128			5,390	4,797	-7.42%	
TNG	19,500	GIẢM	TĂNG		19,538			12,000	16,367	62.50%	
VCB	73,000	TĂNG	TĂNG	69,200	68,608	5.49%		62,000	62,992	17.74%	
VCG	28,000	TĂNG	TĂNG	28,100	27,051	-0.36%		19,200	23,906	45.83%	
VCS	61,700	TĂNG	GIẢM	63,100	60,416	-2.22%			69,165		
VGC	20,900	TĂNG	GIẢM	20,900	20,152	0.00%			21,647		
VGT	10,800	TĂNG	GIẢM	11,379	10,694	-5.09%			13,091		
VHC	87,700	GIẢM	GIẢM		89,033				98,088		
VHM	79,500	GIẢM	GIẢM		80,834				89,697		
VIB	16,600	GIẢM	GIẢM		16,951				18,185		
VIC	116,400	GIẢM	TĂNG		117,683			112,000	108,251	3.93%	
VIP	5,630	GIẢM	GIẢM		5,825				6,129		
VJC	123,500	TĂNG	TĂNG	123,300	118,873	0.16%		124,500	113,667	-0.80%	
VND	15,550	GIẢM	GIẢM		15,861				17,129		
VNG	21,550	TĂNG	TĂNG	20,600	20,872	4.61%		21,500	21,275	0.23%	MUA
VNM	123,100	GIẢM	GIẢM		126,360				135,683		
VPB	19,300	TĂNG	GIẢM	18,600	18,468	3.76%			19,817		
VPI	41,900	TĂNG	GIẢM	41,750	40,928	0.36%			43,124		
VRC	16,200	GIẢM	GIẢM		16,680				18,053		
VRE	34,500	GIẢM	TĂNG		34,992			35,000	31,179	-1.43%	
VSC	31,500	GIẢM	GIẢM		32,686				35,256		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	29,500	TĂNG	GIẢM	29,600	28,859	-0.34%			31,452		
BID	32,600	TĂNG	TĂNG	32,650	31,484	-0.15%		33,400	31,227	-2.40%	
BSR	12,900	GIẢM	GIẢM		13,396				14,995		
BVH	80,300	TĂNG	GIẢM	79,000	77,365	1.65%			85,113		
CTG	21,400	TĂNG	TĂNG	21,000	20,420	1.90%		22,700	19,639	-5.73%	
EIB	18,700	TĂNG	TĂNG	17,800	17,578	5.06%		14,700	16,475	27.21%	
FPT	45,150	TĂNG	TĂNG	45,200	44,083	-0.11%		40,997	42,214	10.13%	
GAS	104,500	TĂNG	TĂNG	105,500	101,375	-0.95%		99,026	101,898	5.53%	
HDB	26,650	TĂNG	GIẢM	27,600	25,944	-3.44%			29,313		
HNG	16,000	TĂNG	GIẢM	15,750	15,165	1.59%			16,554		
HPG	23,350	TĂNG	GIẢM	23,850	22,763	-2.10%			25,712		

We Create Fortune

HVN	42,900	TĂNG	TĂNG	43,600	41,494	-1.61%		39,000	38,265	10.00%	
KDH	23,900	TĂNG	GIẢM	23,424	23,825	2.03%			24,759		
MBB	21,300	TĂNG	TĂNG	21,300	20,718	0.00%		21,271	20,106	0.14%	
MSN	84,100	GIẢM	TĂNG		85,977			89,000	80,742	-5.51%	
MWG	91,400	TĂNG	TĂNG	88,300	88,423	3.51%		88,700	83,045	3.04%	
NVL	57,900	GIẢM	GIẢM		59,176				62,332		
OIL	12,000	GIẢM	GIẢM		12,582				14,012		
PLX	62,500	TĂNG	N/A	63,500	60,916	-1.57%		62,400	58,426	0.16%	
PNJ	73,600	GIẢM	TĂNG		75,397			77,881	72,834	-5.50%	
POW	14,850	GIẢM	TĂNG		16,155			15,700	13,915	-5.41%	
PVS	23,200	TĂNG	TĂNG	23,000	21,998	0.87%		21,100	21,468	9.95%	
QNS	29,200	GIẢM	GIẢM		29,805				33,041		
REE	32,150	GIẢM	TĂNG		32,544			33,325	31,114	-3.53%	
ROS	30,000	GIẢM	TĂNG		31,694			34,800	27,327	-13.79%	
SSI	24,900	GIẢM	GIẢM		25,255				27,071		
STB	11,700	GIẢM	TĂNG		11,707			13,000	11,486	-10.00%	BÁN
TCB	20,900	GIẢM	GIẢM		21,319				23,863		
TPB	22,950	GIẢM	GIẢM		24,733				N/A		
VCB	73,000	TĂNG	TĂNG	69,200	68,608	5.49%		62,000	62,992	17.74%	
VCG	28,000	TĂNG	TĂNG	28,100	27,051	-0.36%		18,441	23,906	51.83%	
VEA	59,200	TĂNG	GIẢM	50,000	56,321	18.40%			N/A		
VGI	27,900	GIẢM	GIẢM		29,042				N/A		
VHM	79,500	GIẢM	GIẢM		80,834				89,697		
VIB	16,600	GIẢM	GIẢM		16,951				18,185		
VIC	116,400	GIẢM	TĂNG		117,683			112,000	108,251	3.93%	
VJC	123,500	TĂNG	TĂNG	123,300	118,873	0.16%		124,500	113,667	-0.80%	
VNM	123,100	GIẢM	GIẢM		126,360				135,683		
VPB	19,300	TĂNG	GIẢM	18,600	18,468	3.76%			19,817		
VRE	34,500	GIẢM	TĂNG		34,992			33,996	31,179	1.48%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18,400	TĂNG	TĂNG	18,600	17,677	-1.08%		16,850	16,230	9.20%	
ANV	26,250	GIẢM	GIẢM		28,357				31,748		
ASM	7,050	GIẢM	GIẢM		7,200				7,980		

We Create **Fortune**

BMP	42,700	TĂNG	GIẢM	44,500	42,236	-4.04%			48,377		
BWE	26,300	TĂNG	TĂNG	25,850	25,683	1.74%		19,440	24,073	35.29%	
C4G	8,800	GIẢM	#N/A		9,317				#N/A		
CEO	11,200	GIẢM	GIẢM	11,900	11,344	-4.68%	BÁN		12,742		
CII	22,550	GIẢM	GIẢM		23,298				24,605		
CRE	24,350	GIẢM	#N/A		24,905				#N/A		
CTI	23,000	TĂNG	GIẢM	23,800	22,663	-3.36%			25,172		
CTR	27,700	GIẢM	#N/A		28,535				#N/A		
DCM	8,160	GIẢM	GIẢM		8,346				8,883		
DHC	42,200	TĂNG	TĂNG	40,900	41,616	3.18%		35,200	37,491	19.89%	
DIG	13,650	GIẢM	GIẢM		14,156				15,272		
DPM	16,300	GIẢM	GIẢM		16,946				19,155		
DRC	18,100	GIẢM	GIẢM		19,342				22,073		
DXG	18,900	TĂNG	GIẢM	19,100	18,062	-1.05%			20,749		
E1VFN30	14,450	GIẢM	GIẢM		14,662				15,358		
FCN	14,500	GIẢM	TĂNG		14,551			16,050	13,649	-9.66%	
FLC	4,310	GIẢM	GIẢM		4,474				4,824		
FTM	24,100	GIẢM	TĂNG		24,568			16,250	21,483	48.31%	
GEG	22,400	TĂNG	TĂNG	22,800	21,303	-1.75%		12,900	20,497	73.64%	
GEX	22,100	GIẢM	TĂNG		22,699			24,700	21,615	-10.53%	BÁN
GMD	26,150	GIẢM	GIẢM		26,622				27,993		
GTN	18,600	GIẢM	TĂNG		19,940			15,000	16,369	24.00%	
GVR	12,800	TĂNG	#N/A	13,500	12,576	-5.19%			#N/A		
HAG	5,110	TĂNG	GIẢM	5,150	4,973	-0.78%			5,623		
HBC	15,550	GIẢM	GIẢM		16,158				18,315		
HCM	24,100	TĂNG	GIẢM	24,000	22,774	0.42%			26,600		
HDG	32,250	TĂNG	GIẢM	32,700	30,867	-1.38%			34,589		
HPX	26,500	TĂNG	#N/A	26,800	26,092	-1.12%			#N/A		
HSG	7,700	GIẢM	TĂNG		8,001			8,452	7,015	-8.90%	
HT1	15,950	GIẢM	TĂNG		16,686			14,800	15,465	7.77%	
IBC	21,750	TĂNG	TĂNG	20,900	20,940	4.07%		24,900	19,767	-12.65%	
IDI	7,250	GIẢM	GIẢM		7,530			9,150	7,253	-20.74%	BÁN
IJC	10,900	TĂNG	GIẢM	10,800	10,356	0.93%			11,501		
ITA	3,050	GIẢM	TĂNG		3,194			3,200	2,749	-4.69%	
KBC	14,200	TĂNG	GIẢM	14,300	14,146	-0.70%			15,013		
KSB	22,700	TĂNG	GIẢM	22,700	22,402	0.00%	MUA		25,364		
LDG	8,550	GIẢM	GIẢM		9,024				10,387		
LPB	7,900	GIẢM	GIẢM		8,123				8,628		

We Create Fortune

MBS	15,100	GIẢM	#N/A		15,907			16,000	#N/A	#N/A	
MPC	32,700	GIẢM	GIẢM		35,980			42,444			
NBB	20,650	GIẢM	TĂNG		21,855			21,500	18,830	-3.95%	
NKG	6,240	TĂNG	GIẢM	6,400	6,239	-2.50%			7,273		
NLG	29,600	TĂNG	TĂNG	29,700	28,897	-0.34%		28,700	27,833	3.14%	
NT2	27,100	GIẢM	GIẢM		27,696				29,219		
NTC	#####	GIẢM	#N/A		147,691			120,000	#N/A	#N/A	
NTL	23,500	TĂNG	TĂNG	22,950	22,369	2.40%		9,331	21,175	151.84%	
NVB	8,200	GIẢM	GIẢM		8,436				9,224		
OGC	4,040	GIẢM	GIẢM		4,351				4,794		
PC1	19,200	GIẢM	GIẢM		20,083				21,023		
PDR	25,850	TĂNG	TĂNG	24,100	24,905	7.26%		23,595	22,941	9.56%	
PHR	57,000	GIẢM	TĂNG		59,085			22,864	50,969	149.30%	
PPC	29,700	TĂNG	TĂNG	28,750	27,694	3.30%		17,422	24,232	70.48%	
PTB	67,500	TĂNG	TĂNG	66,600	65,889	1.35%		60,780	60,891	11.06%	
PVD	18,950	GIẢM	TĂNG		19,001			18,500	17,783	2.43%	
PVI	36,900	GIẢM	GIẢM		37,238				39,699		
PVT	16,250	GIẢM	GIẢM		16,961				17,615		
QCG	4,790	GIẢM	TĂNG		5,192			5,910	4,638	-18.95%	
SAM	8,270	TĂNG	TĂNG	8,250	7,924	0.24%		7,400	7,424	11.76%	
SBT	17,150	GIẢM	GIẢM		17,652				18,829		
SCR	7,300	TĂNG	GIẢM	7,500	7,255	-2.67%			7,611		
SHB	7,000	GIẢM	GIẢM		7,295				7,714		
SHS	10,100	TĂNG	TĂNG	11,900	9,853	-15.13%		12,100	9,216	-16.53%	
SJS	19,850	TĂNG	GIẢM	18,300	18,990	8.47%			19,930		
STK	23,500	GIẢM	TĂNG		23,807			17,000	19,981	38.24%	
SZC	19,600	TĂNG	#N/A	16,750	19,281	17.01%			#N/A		
TCH	21,000	GIẢM	TĂNG		21,048			21,000	20,591	0.00%	BÁN
TCM	27,000	GIẢM	GIẢM		27,461				31,246		
TNG	19,500	GIẢM	TĂNG		19,538			12,000	16,367	62.50%	
TTB	22,500	GIẢM	GIẢM		23,525				25,264		
VCI	32,500	TĂNG	GIẢM	32,100	31,244	1.25%			35,715		
VGT	10,800	TĂNG	#N/A	12,000	10,694	-10.00%			#N/A		
VHC	87,700	GIẢM	GIẢM		89,033				98,088		
VND	15,550	GIẢM	GIẢM		15,861				17,129		
VNG	21,550	TĂNG	TĂNG	20,600	20,872	4.61%		21,500	21,275	0.23%	MUA
VPI	41,900	TĂNG	GIẢM	41,750	40,928	0.36%			42,859		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS



We Create Fortune

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10,100	GIẢM	#N/A		10,427			16,850	#N/A	#N/A	
AGR	3,800	TĂNG	TĂNG	3,890	3,719	-2.31%		3,990	3,542	-4.76%	
AMD	1,750	GIẢM	GIẢM		1,915				2,074		
APG	9,500	TĂNG	TĂNG	8,500	7,932	11.76%			9,066		
ART	2,600	GIẢM	GIẢM		2,795				3,335		
BCC	8,200	GIẢM	TĂNG		8,435			7,700	7,657	6.49%	
BCG	5,930	TĂNG	TĂNG	5,900	5,613	0.51%		6,390	5,406	-7.20%	
C69	16,900	TĂNG	TĂNG	8,800	15,093	92.05%		5,300	8,706	218.87%	
CCL	5,770	TĂNG	TĂNG	3,550	4,847	62.54%		3,460	3,933	66.76%	
CRC	14,850	GIẢM	GIẢM		15,465				18,123		
CVT	18,200	GIẢM	GIẢM		18,809				20,873		
DAG	6,250	GIẢM	GIẢM		6,442				7,234		
DAH	8,520	GIẢM	TĂNG		8,609			4,664	7,539	82.67%	
DGW	21,300	GIẢM	GIẢM		21,765				23,949		
DLG	1,560	TĂNG	GIẢM	1,560	1,548	0.00%	MUA		1,645		
DRH	7,590	TĂNG	GIẢM	7,590	7,362	0.00%	MUA		7,759		
DTD	13,400	TĂNG	TĂNG	15,000	13,307	-10.67%		12,900	11,410	3.88%	
EVG	2,700	GIẢM	GIẢM		2,876				3,023		
FIT	3,300	TĂNG	TĂNG	3,280	3,187	0.61%		3,640	2,853	-9.34%	
GKM	15,100	GIẢM	TĂNG		15,532			11,425	14,952	32.17%	
HAH	12,200	GIẢM	GIẢM		12,328				12,668		
HAI	1,770	GIẢM	GIẢM	1,710	1,774	3.76%	BÁN		1,935		
HAP	3,640	GIẢM	TĂNG		3,730			3,670	3,246	-0.82%	
HAR	4,160	TĂNG	TĂNG	3,250	4,119	28.00%		3,710	3,500	12.13%	
HCD	3,610	GIẢM	GIẢM		3,985				4,568		
HDA	10,200	GIẢM	GIẢM		10,448				11,187		
HDC	15,250	TĂNG	TĂNG	15,250	14,535	0.00%		15,250	13,124	0.00%	
HHP	17,200	GIẢM	#N/A		17,657				#N/A		
HHS	3,430	GIẢM	GIẢM		3,668				3,912		
HII	12,450	GIẢM	GIẢM		13,020				14,296		
HQC	1,400	TĂNG	GIẢM	1,430	1,357	-2.10%			1,505		
HSL	8,010	GIẢM	GIẢM		9,097				11,235		
HUT	2,600	GIẢM	GIẢM		3,005				3,532		
HVG	3,070	GIẢM	GIẢM		3,253				4,892		
HVH	26,700	TĂNG	#N/A	26,150	25,468	2.10%			#N/A		

We Create Fortune

JVC	2,970	GIẢM	GIẢM		3,126			3,280	2,981	-9.11%	
KLF	1,400	GIẢM	GIẢM		1,698				1,888		
KMR	2,930	GIẢM	TĂNG		3,197			3,680	2,649	-20.38%	
LCG	10,150	GIẢM	GIẢM		10,292				11,439		
LGL	10,600	TĂNG	TĂNG	10,400	10,002	1.92%		7,113	8,588	49.02%	
LHG	18,650	GIẢM	TĂNG		19,738			19,300	17,020	-3.37%	
LMH	15,800	GIẢM	#N/A		16,843				#N/A		
MST	2,800	GIẢM	GIẢM		3,194				4,156		
NDN	16,800	TĂNG	TĂNG	14,100	15,481	19.15%		13,104	12,850	28.20%	
PHC	13,450	TĂNG	TĂNG	13,400	12,889	0.37%		14,450	12,650	-6.92%	
PVB	19,600	TĂNG	TĂNG	19,600	18,665	0.00%		20,100	16,786	-2.49%	
PVC	6,900	GIẢM	TĂNG		7,387			7,100	6,199	-2.82%	
PXL	6,600	TĂNG	GIẢM	6,600	6,505	0.00%	MUA		7,604		
PXS	4,860	GIẢM	TĂNG		5,036			4,850	4,262	0.21%	
QBS	2,970	GIẢM	GIẢM		3,192				3,619		
SFG	14,200	GIẢM	GIẢM		16,133			11,494	14,977	30.30%	
SHI	8,350	TĂNG	TĂNG	8,800	8,033	-5.11%		6,233	7,300	33.97%	
SJF	2,860	GIẢM	GIẢM	3,140	2,885	-8.12%	BÁN		4,189		
SKG	14,450	TĂNG	GIẢM	13,950	14,023	3.58%			14,892		
TDH	12,550	TĂNG	TĂNG	11,700	12,403	7.26%		11,650	11,194	7.73%	
TIG	3,500	GIẢM	TĂNG		3,828			3,200	3,029	9.38%	
TLD	5,380	GIẢM	GIẢM		5,718				6,594		
TLH	4,990	GIẢM	TĂNG		5,128			5,850	4,797	-14.70%	
TNI	10,600	GIẢM	TĂNG		12,006			12,150	10,209	-12.76%	
TTF	3,200	GIẢM	TĂNG		3,397			3,990	3,028	-19.80%	
TTH	4,200	GIẢM	GIẢM		4,472			5,273	4,217	-20.02%	
TVB	17,500	GIẢM	GIẢM		17,914				19,936		
TVC	12,400	GIẢM	GIẢM		12,635				13,870		
VC3	23,700	TĂNG	TĂNG	23,100	22,858	2.60%		22,000	21,070	7.73%	
VCR	30,300	TĂNG	TĂNG	13,300	27,918	127.82%		3,900	18,360	676.92%	
VNE	4,250	TĂNG	TĂNG	4,350	4,135	-2.30%		4,650	3,958	-8.60%	
VPG	22,700	TĂNG	TĂNG	20,400	20,612	11.27%		20,456	18,842	10.97%	
VRC	16,200	GIẢM	GIẢM		16,680				18,053		
YBM	10,400	GIẢM	GIẢM		10,868				12,699		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	962.85	0.38%
VN30	868.64	0.28%
VN Mid	964.69	-0.10%
VN Small	815.29	-0.03%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	418.31	
Bán	511.25	
GT rỗng	-92.95	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BMI	1600	6.94%
CMG	2000	5.33%
TCH	900	4.48%
KSB	700	3.18%
VCB	2000	2.82%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-3500	-4.00%
POW	-550	-3.57%
PHR	-1900	-3.23%
TNI	-350	-3.20%
IJC	-350	-3.11%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	392,728	
VCB	263,330	
VHM	262,937	
VNM	218,545	
GAS	201,922	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	11,558,790	10,120,493
EIB	10,463,270	5,660,681
SBT	7,124,050	2,830,632
DLG	4,173,380	1,412,694
HPG	4,073,940	4,892,742

Nguồn: Bloomberg & YSVN

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	104.78	-0.07%
HN30	189.96	-0.60%
VNX AllSh	845.22	0.25%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3.77	
Bán	2.36	
GT rỗng	1.41	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	600	3.17%
DGC	200	0.71%
VC3	100	0.42%
ACB	0	0.00%
DHT	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	-200	-7.14%
VCR	-1200	-3.81%
L14	-1400	-2.86%
CEO	-300	-2.61%
NVB	-100	-1.20%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	36,791	
VCG	12,412	
PVS	11,089	
VCS	9,722	
PVI	8,574	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	2,614,305	3,182,337
OCH	2,462,000	152,348
SHB	2,393,837	4,949,357
HUT	1,673,818	1,320,803
ACB	1,421,227	876,393

Nguồn: Bloomberg & YSVN

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.15	0.06%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	186.63	
Bán	190.61	
GT rỗng	-3.98	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PXL	400	6.45%
MCH	3000	3.13%
VEA	1000	1.72%
BOT	500	0.94%
LTG	100	0.44%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTC	-5200	-3.87%
GVR	-500	-3.76%
DRI	-300	-3.75%
VEF	-4900	-3.68%
BCM	-500	-1.93%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	187,880	
VGI	85,227	
VEA	77,336	
MCH	58,553	
GVR	53,200	

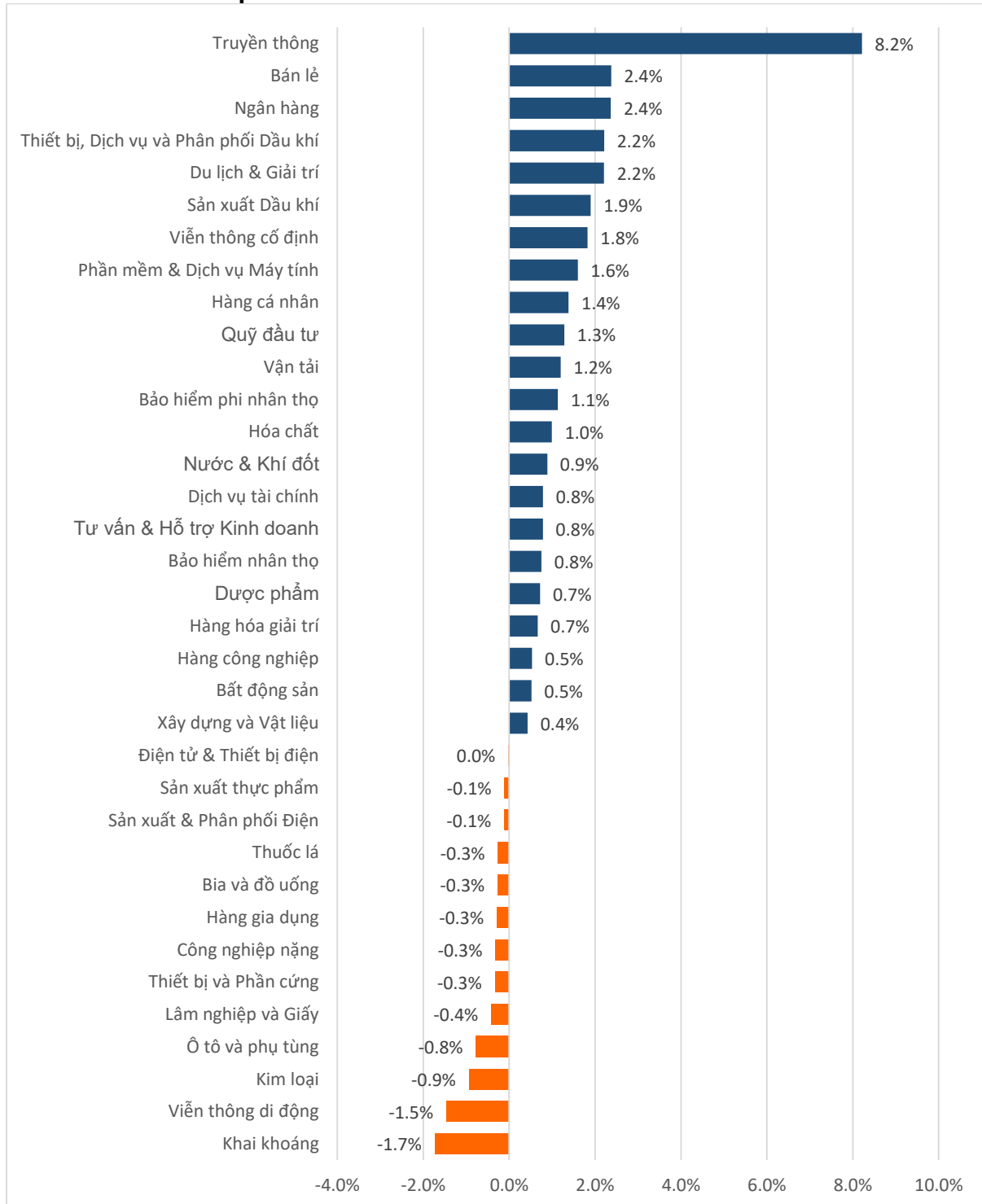
KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
LTG	6,600,151	8,290
GVR	979,786	945,828
VNP	730,000	4,340
PXL	638,573	309,654
BSR	631,050	1,298,783

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



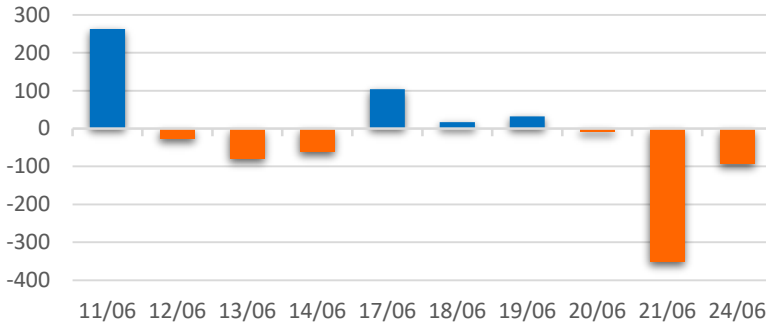
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

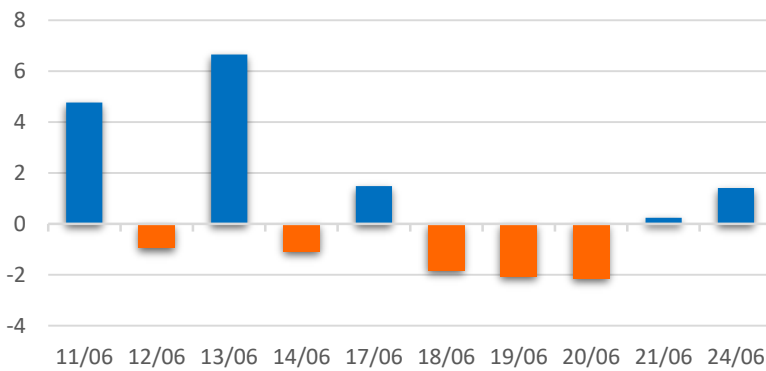
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCB	52,999	SBT	111,118
BVH	26,005	VNM	23,799
VJC	15,099	VHM	23,534
E1VFN30	12,723	YEG	18,342
PVD	12,588	SSI	11,710

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

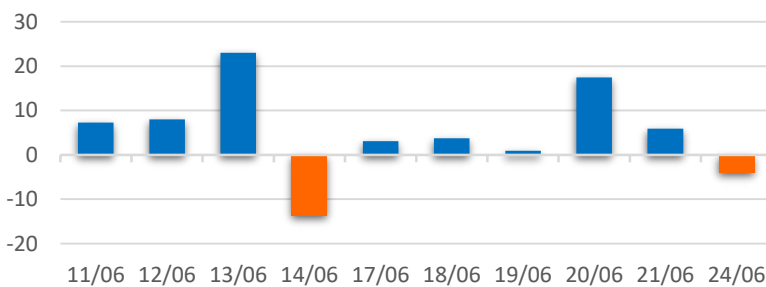
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	1,045	DBC	704
BCC	672	CEO	563
TIG	564	PTI	215
TTT	295	CSC	134
PVS	135	BVS	111

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ACV	867	VEA	3,517
VTP	548	BSR	1,280
MPC	208	MCH	1,125
SDI	114	GEG	134
VGI	107	SD7	123

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



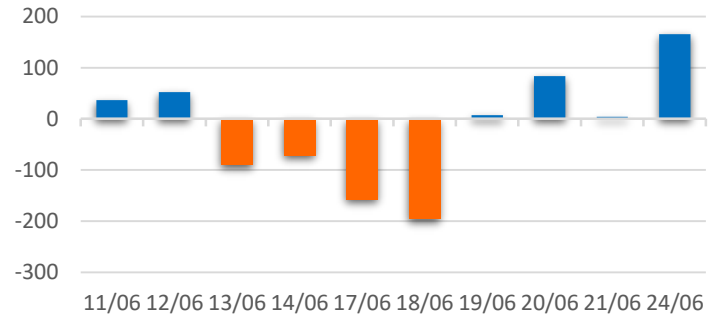
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

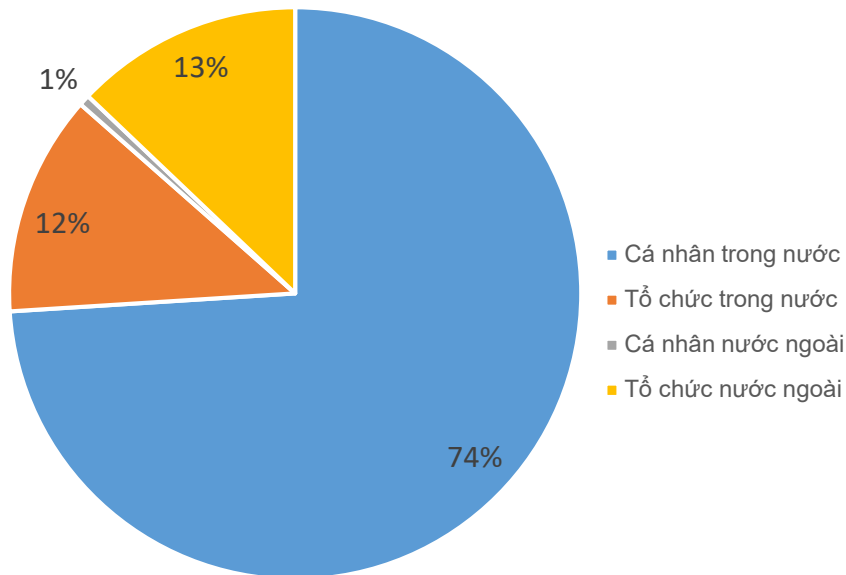
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VHM	21,857	E1VFN30	21,845
VNM	17,982	NKG	12,560
TCB	13,011	VHM	10,793
VIC	11,973	VPB	4,441
E1VFN30	9,113	POW	3,356

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

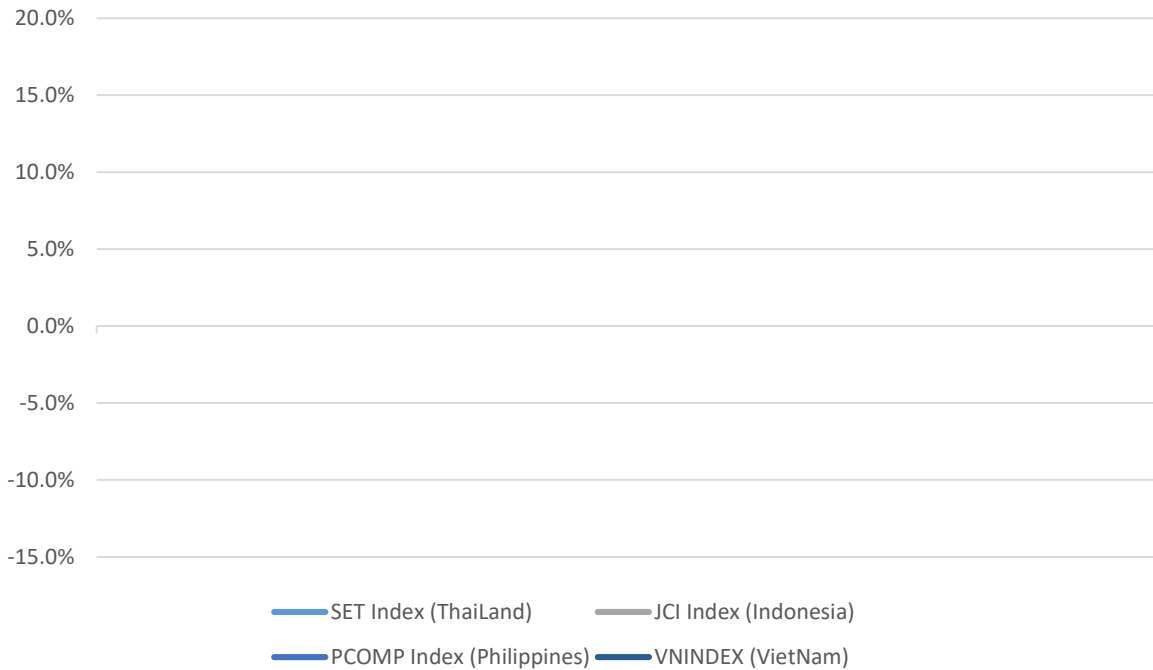


Nguồn: FimPro – YSVN



We Create Fortune

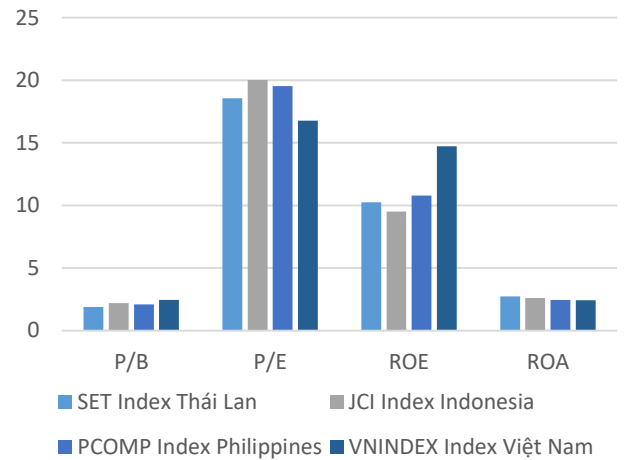
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.4x
P/E		18.6x	20.0x	19.5x	16.8x
ROE	%	10.25	9.52	10.78	14.72
ROA	%	2.72	2.59	2.43	2.43
Vốn hóa	Tỷ USD	570.75	510.35	197.10	138.69
GTGD	Triệu USD	2.29	0.70	0.15	0.17
LS cổ tức	%	3.00	2.41	1.62	1.93

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3830

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written